

BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2019

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
XỔ SỐ KIẾN THIẾT NINH THUẬN**

(ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN)

MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 – 4
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 – 6
3. Bảng Cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2019	7 – 8
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2019	9
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2019	10
6. Thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2019	11 – 30

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Xổ số Kiến thiết Ninh Thuận trình bày Báo cáo này cùng các Báo cáo tài chính cho niên độ kế toán 2019 của Công ty.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty TNHH Một thành viên Xổ số Kiến thiết Ninh Thuận (sau đây gọi tắt là "Công ty") hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Ninh Thuận cấp. Mã số **4500135891**; đăng ký lần đầu ngày 15 tháng 01 năm 2009, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 19 tháng 10 năm 2018.

Công ty được Bộ Tài chính cấp Giấy Chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh số 35/GCN-KDXS ngày 14 tháng 4 năm 2009.

Theo Quyết định số 1616/QĐ-UBND ngày 03/10/2018 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân Tỉnh Ninh Thuận, Công ty được điều chỉnh tăng vốn điều lệ thêm 25.000.000.000 Đồng từ nguồn Quỹ Đầu tư Phát triển của Công ty và được phép trích lập Quỹ Đầu tư phát triển để tạo nguồn bổ sung Vốn điều lệ.

Vốn điều lệ : 75.000.000.000 Đồng

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh : Xổ số Kiến thiết và các dịch vụ vui chơi có thưởng,

Chủ sở hữu : Ủy ban Nhân dân Tỉnh Ninh Thuận

Trụ sở chính

Địa chỉ : Số 32 Đường 16 tháng 4, Phường Kinh Dinh, TP. Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận.

Điện thoại : (0259) 383 0155

Fax : (0259) 382 2707 - 382 2708 - 383 0380

Mã số thuế : 4 5 0 0 1 3 5 8 9 1

Email : xosoninhthuan@ninhthuan.gov.vn

Website : www.xosoninhthuan.com.vn

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT NINH THUẬN

Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)

CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ CÔNG TY

Chủ tịch Công ty

Ông Trần Minh Thanh được bổ nhiệm giữ chức vụ Chủ tịch Công ty trong thời hạn 05 năm kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2018.

Kiểm soát viên

1. Bà Trần Thị Thanh Thủy Thành viên chuyên trách (Nghỉ hưu từ ngày 01/10/2019 theo Quyết định số 1189/QĐ-UBND ngày 25/7/2019 của UBND Tỉnh Ninh Thuận)
2. Ông Võ Ngọc Nam Thành viên chuyên trách (Bổ nhiệm từ ngày 05/10/2019 theo Quyết định số 1664/QĐ-UBND ngày 10/10/2019 của UBND Tỉnh Ninh Thuận)

Ban Giám đốc

1. Ông Vũ Đức Kim Giám đốc - Người đại diện theo pháp luật của Công ty
2. Ông Tăng Nguyên Nam Phó Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt - Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho niên độ kế toán này.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho niên độ kế toán kết thúc cùng ngày của Công ty TNHH Một thành viên Xổ số Kiến thiết Ninh Thuận được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm từ trang 07 đến trang 30.

SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính năm 2019.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập các Báo cáo tài chính này và cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- * Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- * Thực hiện các phán đoán và các ước tính hợp lý và thận trọng;
- * Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong các Báo cáo tài chính;
- * Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục;
- * Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng, các sổ kế toán thích hợp đã được lưu giữ đầy đủ, Báo cáo tài chính kèm theo đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho niên độ kế toán 2019 kết thúc cùng ngày, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Xổ số Kiến thiết hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc Công ty



Giám đốc - Vũ Đức Kim

Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, ngày 09 tháng 01 năm 2020



Kết nối - Phát triển

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT
NHANTAMVIET AUDITING COMPANY

Số: 0409.01/2020/BCTC-NTV.HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

KÍNH GỬI: CHỦ TỊCH VÀ BAN GIÁM ĐỐC

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT NINH THUẬN

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty TNHH Một thành viên Xổ số Kiến thiết Ninh Thuận được lập ngày 08 tháng 01 năm 2020, từ trang 07 đến trang 30, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho niên độ kế toán kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH Một thành viên Xổ số Kiến thiết Ninh Thuận tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho niên độ kế toán kết thúc cùng ngày.

Báo cáo đã được trình bày phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Xổ số kiến thiết hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt

Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh



Giám đốc – Võ Công Tuấn

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 0486-2018-124-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 02 năm 2020

Kiểm toán viên – Lê Ân Thoa

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 4705-2019-124-1

01020
C
K
NH
-CH
TẠI
HỒ
V2-T

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

ĐVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		105.282.864.327	98.044.347.627
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	11.907.335.728	18.963.249.572
111	1. Tiền		11.907.335.728	9.963.249.572
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	9.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		82.000.000.000	68.000.000.000
121	1. Đầu tư ngắn hạn	V.2	82.000.000.000	68.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		9.261.771.963	9.540.255.319
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.3	6.820.499.510	7.543.918.166
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.4	52.472.400	19.800.000
135	3. Phải thu ngắn hạn khác	V.5	2.388.800.053	1.976.537.153
140	IV. Hàng tồn kho		916.556.636	940.743.236
141	1. Hàng tồn kho	V.6	916.556.636	940.743.236
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.197.200.000	600.099.500
155	1. Tài sản ngắn hạn khác	V.7	1.197.200.000	600.099.500
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		6.576.612.768	11.431.807.997
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	-
220	II. Tài sản cố định		6.302.887.338	6.070.867.225
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.8	6.302.887.338	6.070.867.225
222	- Nguyên giá	V.8	12.493.018.430	11.556.494.794
223	- Giá trị hao mòn lũy kế	V.8	(6.190.131.092)	(5.485.627.569)
230	III. Bất động sản đầu tư		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		-	-
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		-	4.988.767.935
258	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	V.9	-	5.500.000.000
259	2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	V.10	-	(511.232.065)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		273.725.430	372.172.837
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.11	273.725.430	368.172.837
268	2. Tài sản dài hạn khác		-	4.000.000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		111.859.477.095	109.476.155.624

CÔNG TY TNHH MTV XSKT NINH THUẬN

Bảng Cân đối kế toán (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		51.331.756.856	53.706.485.017
310	I. Nợ ngắn hạn		51.331.756.856	53.706.485.017
312	1. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.12	324.704.413	94.890.588
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.13	16.313.951.036	19.540.021.469
314	3. Phải trả người lao động	V.14	5.286.210.366	4.760.632.633
319	4. Phải trả ngắn hạn khác		3.000.000	-
321	5. Dự phòng rủi ro trả thưởng	V.15	26.341.320.250	26.341.320.250
323	6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.16	3.062.570.791	2.969.620.077
330	II. Nợ dài hạn		-	-
400	D VỐN CHỦ SỞ HỮU		60.527.720.239	55.769.670.607
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.17	60.527.720.239	55.769.670.607
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu	V.17.1	55.769.670.607	50.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển	V.17.2	4.758.049.632	5.769.670.607
430	II. Nguồn kinh phí		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		111.859.477.095	109.476.155.624

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
	1. Công cụ, dụng cụ lâu bền đang sử dụng		273.725.430	368.172.837
	2. Tài sản, giấy tờ có giá nhận thế chấp		17.377.832.600	16.847.832.600
	3. Doanh số phát hành xổ số kiến thiết		80.930.000.000	20.800.000.000

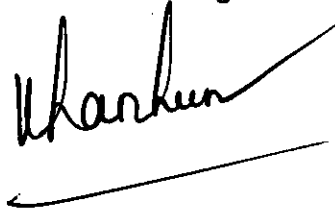
Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, ngày 08 tháng 01 năm 2019

Người lập biểu



Lê Công Uyển Vi

Kế toán trưởng



Trần Thị Thanh Hiếu

Giám đốc



Vũ Đức Kim

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

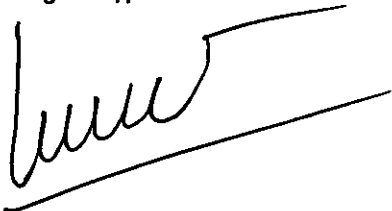
Năm 2019

ĐVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	1. Doanh thu	VI.18	274.057.798.271	252.674.617.629
	1.1 Doanh thu kinh doanh xổ số		273.979.981.818	252.611.702.728
	1.1.1 Xổ số truyền thống		264.920.600.000	243.422.090.908
	1.1.2 Xổ số cào		1.636.363.636	1.636.363.638
	1.1.3 Xổ số bốc		3.265.090.909	3.352.272.729
	1.1.4 Xổ số lô tô		4.157.927.273	4.200.975.453
	1.2 Doanh thu khác		77.816.453	62.914.901
2	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	VI.18	35.736.519.367	32.949.352.530
	2.1 Giảm trừ doanh thu kinh doanh xổ số		35.736.519.367	32.949.352.530
10	3. Doanh thu thuần	VI.18	238.321.278.904	219.725.265.099
10.1	3.1 Doanh thu kinh doanh xổ số		238.243.462.451	219.662.350.198
10.2	3.2 Doanh thu kinh doanh khác		77.816.453	62.914.901
11	4. Chi phí kinh doanh	VI.19	207.312.097.948	182.838.845.026
11.1	4.1 Chi phí kinh doanh xổ số		207.312.097.948	182.838.845.026
	4.1.1 Chi phí trả thường		149.159.285.600	125.164.355.200
	4.1.2 Chi phí trực tiếp phát hành xổ số		58.152.812.348	57.674.489.826
11.2	4.2 Giá vốn hàng hoá, sản phẩm, dịch vụ đã bán		-	-
20	5. Lợi nhuận gộp		31.009.180.956	36.886.420.073
20.1	5.1 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh xổ số		30.931.364.503	36.823.505.172
20.2	5.2 Lợi nhuận từ HĐ bán hàng & cung cấp DV khác		77.816.453	62.914.901
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.20	10.690.650.866	4.541.083.262
22	7. Chi phí tài chính	VI.21	(350.777.519)	(223.121.182)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
26	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.22	22.392.877.911	17.843.673.699
30	9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		19.657.731.430	23.806.950.818
31	10. Thu nhập khác	VI.23	171.677.908	240.017.726
32	11. Chi phí khác	VI.24	4.202.538	6.674.349
40	12. Lợi nhuận khác		167.475.370	233.343.377
50	13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		19.825.206.800	24.040.294.195
51	14. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	VI.25	3.965.041.360	4.808.058.839
60	15. Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp		15.860.165.440	19.232.235.356

Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, ngày 08 tháng 01 năm 2019

Người lập biểu



Lê Công Uyển Vi

Kế toán trưởng



Trần Thị Thanh Hiếu

Giám đốc



Vũ Đức Kim

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2019

ĐVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		202.470.997.769	186.582.690.144
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(14.512.458.222)	(11.874.024.265)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(12.966.953.841)	(11.172.039.064)
05	4. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	V.13	(5.688.058.839)	(1.719.891.498)
06	5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		14.051.926.717	3.367.024.898
07	6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(169.039.224.833)	(146.204.561.141)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		14.316.228.751	18.979.199.074
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	V.8	(936.523.636)	-
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	67.835.000
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	V.2	(82.000.000.000)	(70.000.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	V.2	68.000.000.000	61.000.000.000
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		4.364.146.072	3.393.475.043
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(10.572.377.564)	(5.538.689.957)
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
36	1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	V.13	(10.799.765.031)	(22.870.221.735)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(10.799.765.031)	(22.870.221.735)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(7.055.913.844)	(9.429.712.618)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	V.1	18.963.249.572	28.392.962.190
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	V.1	11.907.335.728	18.963.249.572

Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, ngày 08 tháng 01 năm 2019

Người lập biểu



Lê Công Uyên Vi

Kế toán trưởng



Trần Thị Thanh Hiếu

Giám đốc



Vũ Đức Kim

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

NĂM 2019

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và không thể tách rời các Báo cáo tài chính niên độ kế toán 2019 của Công ty TNHH Một thành viên Xổ số Kiến thiết Ninh Thuận (sau đây gọi tắt là "Công ty").

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Hình thức sở hữu vốn : Công ty TNHH Một thành viên thuộc sở hữu Nhà nước

Lĩnh vực kinh doanh : Dịch vụ

Ngành nghề kinh doanh : Xổ số Kiến thiết và các hoạt động vui chơi có thưởng

Cấu trúc Công ty

Công ty tổ chức hệ thống hoạt động kinh doanh bao gồm Trụ sở chính và các Văn phòng đại diện sau đây:

❖ Văn phòng đại diện Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Ninh Thuận tại Đắk Lắk

Địa chỉ : Số 27 Trần Quang Khải, Phường Thắng Lợi, TP. Ban Mê Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

Mã số : 4 5 0 0 1 3 5 8 9 1 – 001

❖ Văn phòng đại diện Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Ninh Thuận tại Thừa Thiên - Huế

Địa chỉ : Số 30 Nguyễn Huệ, Phường Vĩnh Ninh, TP. Huế, Tỉnh Thừa Thiên - Huế

Mã số : 4 5 0 0 1 3 5 8 9 1 – 002

❖ Văn phòng đại diện Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Ninh Thuận tại Đà Nẵng

Địa chỉ : Thửa 261, Tổ 17, Phường Thạch Thang, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng

Mã số : 4 5 0 0 1 3 5 8 9 1 – 003

❖ Văn phòng đại diện Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Ninh Thuận tại Bình Định

Địa chỉ : Số 49 Phan Đình Phùng, Phường Thị Nại, TP. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

Mã số : 4 5 0 0 1 3 5 8 9 1 – 004

1102
C
VH
-C
TÀI
HỒ
V2-7

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT NINH THUẬN

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2019

❖ Văn phòng đại diện Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Ninh Thuận tại Phú Yên

Địa chỉ : 41 Ngô Quyền, Phường 5, TP. Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên

Mã số : 4 5 0 0 1 3 5 8 9 1 – 005

❖ Văn phòng đại diện Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Ninh Thuận tại Khánh Hòa

Địa chỉ : 211B Hoàng Văn Thụ, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

Mã số : 4 5 0 0 1 3 5 8 9 1 – 006

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm

Từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán và lập Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp theo Thông tư số 168/2009/TT-BTC ngày 19 tháng 8 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty Xổ số Kiến thiết.

Những nội dung không hướng dẫn trong Thông tư trên, Công ty Xổ số Kiến thiết thực hiện theo Luật Kế toán và các quy định kế toán hiện hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính đã được lập và trình bày phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Xổ số Kiến thiết hiện hành và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam có liên quan.

Hình thức sổ kế toán

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích theo nguyên tắc giá gốc (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 3 tháng, có tính thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được ghi nhận theo giá trị ghi trên hóa đơn, chứng từ gốc trừ dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi được ước tính dựa trên việc rà soát của Ban Giám đốc đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Các khoản nợ được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Các khoản nợ phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản nợ phải thu.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp: Nhập trước xuất trước và được hạch toán theo phương pháp: Kê khai thường xuyên.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định (TSCĐ) hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ CHỮ KÝ
BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỔ KIẾN THIẾT NINH THUẬN

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÓ SỔ KIẾN THIẾT NINH THUẬN

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2019

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013; Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 và Thông tư số 28/2018/TT-BTC ngày 12/04/2018 của Bộ Tài chính.

Số năm khấu hao của các nhóm TSCĐ hữu hình như sau:

Nhóm Tài sản cố định	Số năm
- Nhà cửa, vật kiến trúc	25 - 50
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5

6. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi tổng số vốn đầu tư thực tế của chủ sở hữu cao hơn tổng giá trị vốn chủ sở hữu thực có của tổ chức kinh tế được đầu tư tại ngày kết thúc niên độ kế toán với mức trích lập bằng chênh lệch giữa tổng vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Tăng, giảm số dư dự phòng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong niên độ kế toán. Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên Bảng cân đối kế toán.

Chi phí này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Chi phí trả trước tại công ty bao gồm các chi phí sửa chữa và các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT NINH THUẬN

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2019

8. Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại theo tính chất kinh tế và phản ánh theo giá gốc bao gồm:

- Phải trả người bán / người mua trả tiền trước: là các khoản phải trả mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hoá, dịch vụ;
- Các khoản phải trả khác: là các khoản phải trả không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hoá dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Trên Bảng Cân đối kế toán, các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản nợ phải trả.

9. Dự phòng rủi ro trả thường

Việc trích lập dự phòng rủi ro trả thường chỉ áp dụng đối với các loại hình sản phẩm xổ số được phép kinh doanh áp dụng theo phương thức trả thường cố định theo quy định của pháp luật và tại thời điểm trích lập, Công ty không bị lỗ.

Điều kiện trích lập: Trong kỳ trích lập, doanh nghiệp kinh doanh xổ số có tỷ lệ trả thường thực tế nhỏ hơn tỷ lệ trả thường kế hoạch theo quy định của pháp luật về kinh doanh xổ số.

Mức trích lập của Công ty phải đảm bảo tổng số dư quỹ dự phòng rủi ro trả thường tối đa không vượt quá 10% tổng doanh thu có thuế của tất cả các loại hình xổ số được phép trích lập tại thời điểm trích lập;

Dự phòng rủi ro trả thường được trích lập hàng năm tính vào chi phí phát hành xổ số dùng để làm nguồn chi trả thường trong trường hợp tỷ lệ trả thường thực tế trong năm lớn hơn tỷ lệ trả thường kế hoạch. Trường hợp quỹ dự phòng trả thường không còn đủ để chi thì phần trả thường thực tế còn lại được tính vào chi phí kinh doanh. Số dư quỹ dự phòng rủi ro trả thường sử dụng không hết được chuyển sang năm sau. Trường hợp số dư quỹ dự phòng rủi ro trả thường đã trích lập trong kỳ vượt giới hạn quy định thì được hoàn nhập vào thu nhập khác.

(Dự phòng rủi ro trả thường thực hiện theo Nghị định 122/2017/NĐ-CP ngày 13 tháng 11 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định một số nội dung đặc thù về cơ chế quản lý tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động đối với doanh nghiệp kinh doanh xổ số, sò giao dịch chứng khoán và trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam).

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT NINH THUẬN

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2019

10. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Là vốn thuộc quyền sở hữu của Nhà nước.

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của công ty sau khi trừ (-) chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước

Trích lập các quỹ

Lợi nhuận của doanh nghiệp kinh doanh xổ số sau khi bù đắp lỗ năm trước, trích quỹ phát triển khoa học và công nghệ, nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật, được phân phối như sau:

- Trích 30% vào Quỹ Đầu tư phát triển;
- Trích Quỹ Khen thưởng, Phúc lợi cho người lao động và Quỹ thưởng Viên chức quản lý doanh nghiệp;
- Phần lợi nhuận còn lại được nộp về ngân sách nhà nước.

Việc trích lập và sử dụng các quỹ nêu trên phải được chấp thuận của chủ sở hữu và thực hiện công khai theo quy chế công khai tài chính, quy chế dân chủ ở cơ sở và quy định của Nhà nước.

(Thực hiện theo Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp).

11. Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu của Công ty bao gồm: Doanh thu từ hoạt động kinh doanh các loại hình xổ số; từ hoạt động kinh doanh khác ngoài hoạt động kinh doanh xổ số được pháp luật cho phép và doanh thu từ hoạt động tài chính;

Việc ghi nhận doanh thu của doanh nghiệp kinh doanh xổ số được thực hiện phù hợp với chuẩn mực kế toán và các văn bản pháp luật về thuế hiện hành.

1020
C
K
HÃ
-C
TẠI
HỒ
2-7

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT NINH THUẬN

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2019

❖ **Doanh thu từ hoạt động kinh doanh các loại hình xổ số**

Doanh thu từ hoạt động kinh doanh các loại hình xổ số được ghi nhận là toàn bộ số tiền bán vé phải thu phát sinh trong kỳ căn cứ Biên bản phát hành và thu hủy vé số được lập bởi Hội đồng Giám sát xổ số Tỉnh Ninh Thuận.

Do đặc thù của hoạt động kinh doanh các loại hình xổ số, doanh thu từ hoạt động này được quản lý theo hai tiêu chí : “Doanh thu có thuế” và “Doanh thu chưa có thuế”

- “Doanh thu có thuế” là doanh thu đã bao gồm thuế Giá trị gia tăng và thuế Tiêu thụ đặc biệt. Doanh thu theo tiêu chí này nhằm để xác định các khoản chi hoa hồng đại lý, trích lập quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng, chi hỗ trợ phòng chống số đề, làm vé số giả.
- “Doanh thu chưa có thuế” là doanh thu từ hoạt động kinh doanh các loại hình xổ số không bao gồm thuế Giá trị gia tăng và thuế Tiêu thụ đặc biệt. Doanh thu theo tiêu chí này nhằm để xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh xổ số.

❖ **Doanh thu từ hoạt động kinh doanh khác ngoài hoạt động kinh doanh các loại hình xổ số**

Doanh thu từ hoạt động kinh doanh khác ngoài hoạt động kinh doanh các loại hình xổ số được pháp luật cho phép là toàn bộ số tiền phải thu phát sinh trong kỳ từ việc bán sản phẩm hàng hoá, cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp kinh doanh xổ số đã được xác định là tiêu thụ trong kỳ

❖ **Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu được ghi nhận khi hoạt động kinh tế phát sinh, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền.

12. Các khoản chi phí

Doanh nghiệp kinh doanh xổ số chỉ được hạch toán vào chi phí các khoản phát sinh liên quan đến hoạt động kinh doanh trong năm tài chính theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu, riêng chi phí trả thưởng được xác định theo thực tế phát sinh. Việc xác định chi phí của doanh nghiệp kinh doanh xổ số được thực hiện phù hợp với chuẩn mực kế toán và các văn bản pháp luật về thuế hiện hành.

Ngoài các khoản chi phí được xác định là khoản chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh theo chế độ quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, doanh nghiệp kinh doanh xổ số được tính vào chi phí được trừ khi xác định thuế thu nhập doanh nghiệp đối với một số khoản chi phí đặc thù (theo hướng dẫn tại Thông tư 138/2017/TT-BTC ngày 25 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số khoản chi phí đặc thù đối với Doanh nghiệp kinh doanh xổ số)

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỔ KIẾN THIẾT NINH THUẬN

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2019

13. Chi phí Thuế Thu nhập hiện hành

Thuế TNDN hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế.

Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	ĐVT: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tiền và các khoản tương đương tiền		
- Tiền mặt tại quỹ	780.897.806	349.636.952
- Tiền gửi ngân hàng	11.126.437.922	9.613.612.620
- Các khoản tương đương tiền	-	9.000.000.000
Cộng	11.907.335.728	18.963.249.572
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	82.000.000.000	68.000.000.000

Khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 06 đến 12 tháng tại các Ngân hàng thương mại, trả lãi khi đáo hạn.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT NINH THUẬN

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2019

3. Phải thu khách hàng

Khoản tiền vé số còn phải thu của các đại lý vé số:

- Lê Thị Mân	452.003.705	791.905.005
- Nguyễn Thị Hoàng Hải	552.263.461	609.015.431
- Nguyễn Thị Như Mai (TH Đà Nẵng)	442.960.500	421.569.500
- Nhóm kinh doanh Ngọc Thu	381.720.785	353.895.195
- Nhóm kinh doanh Trần Nguyên Thảo	351.452.080	324.277.160
- Công ty TNHH MTV Vé Số Sơn Trà	340.458.900	319.819.900
- Phạm Thị Thanh	281.837.205	360.818.860
- Trần Thị Lự (Độc Lập)	236.087.502	203.328.502
- Nhóm kinh doanh Ngọc Hùng	211.006.325	233.651.250
- Công ty TNHH Phúc Khánh Phương	208.823.500	145.520.500
- Công ty TNHH MTV Triều Gia (Nhạn)	206.915.500	199.733.000
- Vũ Thị Minh Ánh	205.194.700	223.987.840
- Nguyễn Thị Vân Lan (Thống Nhất)	201.690.000	164.211.500
- Võ Đình Vinh	180.619.830	305.906.200
- Hộ kinh doanh Đào Thị Hạnh	166.040.020	138.121.090
- Công ty TNHH Thân Thị (Xi)	160.546.500	177.026.000
- Lương Thị Thu Lệ	153.880.435	264.403.310
- Phạm Nguyễn Bảo Thịnh	153.632.360	116.623.580
- Công ty TNHH Chấn Giang	139.569.471	217.669.471
- Các đối tượng khác	1.793.796.731	1.972.434.872
Cộng	6.820.499.510	7.543.918.166

4. Trả trước cho người bán

- Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt - Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh	19.800.000	19.800.000
- Công ty Cổ phần in tổng hợp Bình Dương	32.670.000	-
- Xí nghiệp In Tài chính TP. Hồ Chí Minh	2.400	-
Cộng	52.472.400	19.800.000

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT NINH THUẬN

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2019

5. Các khoản phải thu khác

- Lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dự thu	1.877.863.013	1.147.608.219
- Thu hộ thuế TNCN của cán bộ công nhân viên	392.201.986	244.592.584
- Thu hỗ trợ kiểm tra vi phạm địa bàn kinh doanh	20.400.000	32.400.000
- Các đối tượng khác	98.335.054	551.936.350
Cộng	2.388.800.053	1.976.537.153

6. Hàng tồn kho

- Hàng gửi đi bán	469.114.554	285.217.530
- Vé xổ số (Truyền thống)	209.707.446	140.900.000
- Vé xổ số cao	19.100.000	114.600.000
- Vé xổ số bóc	205.584.636	351.456.036
- Vé xổ số lô tô	13.050.000	48.569.670
Cộng	916.556.636	940.743.236

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÔ SÓ KIẾN THIẾT NINH THUẬN

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2019

7. Tài sản ngắn hạn khác

Khoản tạm ứng cho người lao động trong Công ty:

- Nguyễn Thị Trâm	315.600.000	-
- Trần Trung Dũng	184.800.000	82.099.500
- Lê Duy Minh	169.900.000	-
- Hàng Trừu Thông	160.000.000	160.000.000
- Nguyễn Hoàng Anh Tiến	100.000.000	100.000.000
- Lê Minh Nghiêm	70.000.000	70.000.000
- Nguyễn Khoa Bảo Quốc	56.900.000	-
- Nguyễn Trọng Phúc	30.000.000	30.000.000
- Phạm Tùng	30.000.000	30.000.000
- Phạm Đình Thành	30.000.000	30.000.000
- Phạm Đình Thảo	30.000.000	-
- Trần Tuấn Dũng	-	30.000.000
- Nguyễn Tử Lượng	-	30.000.000
- Các đối tượng khác	20.000.000	38.000.000
Cộng	1.197.200.000	600.099.500

8. Tài sản cố định hữu hình

Nhóm TSCĐ	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Chi tiêu				
Nguyên giá				
- Số đầu năm	7.062.783.883	4.003.882.365	489.828.546	11.556.494.794
- Mua trong năm		936.523.636		936.523.636
- Số cuối năm	7.062.783.883	4.940.406.001	489.828.546	12.493.018.430
Giá trị hao mòn				
- Số đầu năm	2.248.276.826	2.841.238.727	396.112.016	5.485.627.569
- Khấu hao trong năm	176.569.598	490.149.469	37.784.456	704.503.523
- Số cuối năm	2.424.846.424	3.331.388.196	433.896.472	6.190.131.092

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÔ SÓ KIẾN THIẾT NINH THUẬN

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2019

Nhóm TSCĐ	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Chi tiêu				
Giá trị còn lại				
- Tại ngày đầu năm	4.814.507.057	1.162.643.638	93.716.530	6.070.867.225
- Tại ngày cuối năm	4.637.937.459	1.609.017.805	55.932.074	6.302.887.338
Nguyên giá TSCĐ khấu hao hết còn sử dụng				
- Tại ngày đầu năm	-	1.018.491.818	202.619.455	1.221.111.273
- Tại ngày cuối năm	-	1.018.491.818	275.319.455	1.293.811.273

	Số cuối năm	Số đầu năm
9. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	5.500.000.000

Số đầu năm là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn Ninh Chữ. Số lượng cổ phiếu: 550.000, mệnh giá: 10.000 Đồng/Cổ phiếu. Trong kỳ, Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ khoản đầu tư này.

10. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	-	(511.232.065)
--	---	----------------------

Số đầu năm là khoản dự phòng tổn thất tài chính cho khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn Ninh Chữ.

11. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng và chi phí sửa chữa, thời gian phân bổ dưới 03 năm.

	Năm nay	Năm trước
- Số đầu năm	368.172.837	230.827.279
- Tăng trong năm	213.589.501	423.604.726
- Phân bổ vào chi phí kinh doanh trong năm	(308.036.908)	(286.259.168)
- Số cuối năm	273.725.430	368.172.837

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÓ SỔ KIẾN THIẾT NINH THUẬN

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2019

12. Người mua trả tiền trước

Thu trước tiền của các đại lý vé số cào, lô tô:

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Trần Thanh Liêm	175.836.000	-
- Nguyễn Hoài Phương	-	93.788.000
- Đào Thị Tú Uyên	85.000.000	-
- Tạ Thị Bạch Yến	34.000.000	-
- Huỳnh Thị Sơn	13.656.000	-
- Các đối tượng khác	16.212.413	1.102.588
Cộng	324.704.413	94.890.588

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Phải nộp trong năm	Thực nộp trong năm	Số cuối năm
- Thuế Giá trị gia tăng	1.791.518.146	26.162.351.050	26.206.650.213	1.747.218.983
- Thuế Tiêu thụ đặc biệt	2.464.429.804	35.736.519.367	35.471.723.479	2.729.225.692
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp	4.288.058.839	3.965.041.360	5.688.058.839	2.565.041.360
- Thuế Thu nhập cá nhân	196.249.649	9.975.537.704	9.098.238.757	1.073.548.596
- Thuế Nhà đất và Tiền thuê đất	-	77.646.707	77.646.707	-
- Lệ phí môn bài	-	9.000.000	9.000.000	-
- Lợi nhuận sau thuế nộp ngân sách	10.799.765.031	8.198.916.405	10.799.765.031	8.198.916.405
- Phí lệ phí	-	24.362.538	24.362.538	-
Cộng	19.540.021.469	84.149.375.131	87.375.445.564	16.313.951.036

Thuế Giá trị gia tăng

Phương pháp tính thuế : Theo phương pháp khấu trừ

Thuế suất áp dụng : 10%

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÓ SÓ KIẾN THIẾT NINH THUẬN

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2019

Thuế Tiêu thụ đặc biệt

Thuế suất thuế Tiêu thụ đặc biệt: 15% trên giá vé phát hành (sau khi loại trừ thuế GTGT).

Thuế Thu nhập doanh nghiệp

Thuế Thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên thu nhập tính thuế.

Tiền thuê đất

Công ty có nghĩa vụ trả tiền thuê đất hàng năm theo Hợp đồng thuê đất số 33/KL/HĐ-TĐ ngày 10/10/2012 với Sở Tài nguyên và Môi trường Tỉnh Ninh Thuận.

Mục đích thuê : Làm trụ sở văn phòng Công ty

Thời gian sử dụng : 30 năm từ ngày 07/8/1999

Hình thức thuê đất : Trả tiền thuê hàng năm.

Đơn giá thuê : 55.680 Đồng/m²/năm theo Thông báo số 1616/TB-CT ngày 29/4/2016 của Cục thuế tỉnh Ninh Thuận. Đơn giá thuê ổn định trong 5 năm (từ ngày 01/01/2016 đến 31/12/2020).

Thu tài chính

Là khoản phải nộp vào ngân sách, sau khi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp và trích lập các Quỹ theo quy định.

Các khoản thuế khác thu hộ

Thuế Thu nhập cá nhân nộp thay đại lý: 5% trên khoản tiền hoa hồng và phí ủy quyền trả thường chi cho đại lý.

Các loại thuế khác

Công ty thực hiện kê khai và trích nộp theo quy định hiện hành.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo những cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các Báo cáo tài chính sẽ được xác định một cách chắc chắn theo quyết định cuối cùng của cơ quan Thuế.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỔ KIẾN THIẾT NINH THUẬN

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2019

14.	Phải trả người lao động	5.286.210.366	4.760.632.633
------------	--------------------------------	----------------------	----------------------

Các khoản thu nhập còn phải trả cho người lao động trong Công ty.

Quỹ lương của Công ty được xác định theo hướng dẫn tại Thông tư số 26/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 9 năm 2016 và Thông tư số 27/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc thực hiện quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với người lao động và người quản lý trong công ty TNHH Một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

15.	Dự phòng rủi ro trả thưởng	26.341.320.250	26.341.320.250
------------	-----------------------------------	-----------------------	-----------------------

Quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng được trích lập theo Nghị định 122/2017/NĐ-CP ngày 13 tháng 11 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định một số nội dung đặc thù về cơ chế quản lý tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động đối với doanh nghiệp kinh doanh xổ số, sở giao dịch chứng khoán và trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

16. Quỹ Khen thưởng, Phúc lợi

	Số đầu năm	Trích lập từ lợi nhuận [*]	Tăng khác	Chi trong năm	Số cuối năm
- Quỹ Khen thưởng	1.208.131.535	1.030.424.760	63.974.000	1.237.962.000	1.064.568.295
- Quỹ Phúc lợi	1.478.663.224	1.545.637.140	15.000.000	1.441.260.689	1.598.039.675
- Quỹ Khen thưởng cho Người quản lý	282.825.318	327.137.503		210.000.000	399.962.821
Cộng	2.969.620.077	2.903.199.403	78.974.000	2.889.222.689	3.062.570.791

[*] Khoản tạm trích từ lợi nhuận sau thuế năm 2019 (xem thuyết minh số V.17.3).

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT NINH THUẬN

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2019

17. Vốn chủ sở hữu

STT	Chỉ tiêu	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
17.1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	50.000.000.000	5.769.670.607	-	55.769.670.607
17.2	Quỹ Đầu tư phát triển	5.769.670.607	4.758.049.632	5.769.670.607	4.758.049.632
17.3	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	-	24.929.307.418	24.929.307.418	-
	Cộng	55.769.670.607	35.457.027.657	30.698.978.025	60.527.720.239

17.1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Trong năm, công ty bổ sung vốn điều lệ 5.769.670.607 Đồng từ nguồn Quỹ Đầu tư phát triển năm 2018 theo Quyết định số 1616/QĐ-UBND ngày 03 tháng 10 năm 2018 của Ủy ban nhân dân Tỉnh Ninh Thuận về việc điều chỉnh tăng vốn điều lệ của Công ty TNHH Một thành viên Xổ số Kiến thiết Ninh Thuận và Quyết định số 133/QĐ-XSKT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Chủ tịch Công ty về việc phê duyệt bổ sung vốn điều lệ từ nguồn Quỹ Đầu tư phát triển năm 2018 của Công ty TNHH Một thành viên Xổ số Kiến thiết Ninh Thuận.

17.2. Quỹ Đầu tư phát triển

Khoản tạm trích từ lợi nhuận sau thuế năm 2019.

17.3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận sau thuế năm nay (*)	15.860.165.440	19.232.235.356
- Phân phối lợi nhuận năm nay	(15.860.165.440)	(19.232.235.356)
+ Quỹ đầu tư phát triển	(4.758.049.632)	(5.769.670.607)
+ Trích Quỹ Khen thưởng cho Người quản lý	(327.137.503)	(282.825.318)
+ Trích Quỹ Khen thưởng	(1.030.424.760)	(951.989.760)
+ Trích Quỹ Phúc lợi	(1.545.637.140)	(1.427.984.640)
+ Lợi nhuận còn lại nộp Ngân sách Nhà nước	(8.198.916.405)	(10.799.765.031)
- Lợi nhuận năm nay chuyển năm sau	-	-

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT NINH THUẬN

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2019

(*) Tham chiếu thuyết minh VI.25

Công ty tạm phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2019, số liệu này sẽ được điều chỉnh khi có phê duyệt chính thức của cơ quan Nhà Nước có thẩm quyền.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
18. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
- Tổng doanh thu	274.057.798.271,	252.674.617.629.
+ Doanh thu kinh doanh xổ số	273.979.981.818	252.611.702.728
* Xổ số truyền thống	264.920.600.000	243.422.090.908
* Xổ số cào	1.636.363.636	1.636.363.638
* Xổ số bốc	3.265.090.909	3.352.272.729.
* Xổ số lô tô	4.157.927.273	4.200.975.453
+ Doanh thu kinh doanh khác	77.816.453	62.914.901
- Các khoản giảm trừ doanh thu	35.736.519.367,	32.949.352.530
+ Thuế tiêu thụ đặc biệt	35.736.519.367	32.949.352.530
- Doanh thu thuần	238.321.278.904	219.725.265.099
Trong đó:		
+ <i>Doanh thu kinh doanh xổ số</i>	238.243.462.451,	219.662.350.198
+ <i>Doanh thu kinh doanh khác</i>	77.816.453	62.914.901

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỔ KIẾN THIẾT NINH THUẬN

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2019

19. Chi phí kinh doanh

- Chi phí trả thường	149.159.285.600	125.164.355.200
- Chi phí trực tiếp phát hành	58.152.812.348	57.674.489.826
+ Chi phí cho các đại lý	45.306.196.960	41.795.082.250
+ Chi phí quay số mở thường, giám sát	683.050.000	712.333.637
+ Chi phí chống số đề	75.700.000	83.500.000
+ Chi phí dự phòng rủi ro trả thường	-	4.200.000.000
+ Chi phí về vé xổ số	5.659.052.600	5.409.742.400
+ Chi phí thông tin kết quả mở thường	117.874.816	124.856.443
+ Chi phí đóng góp cho Hội đồng xổ số kiến thiết khu vực	46.000.000	42.000.000
+ Chi phí trực tiếp phát hành khác	6.264.937.972	5.306.975.096
Tổng cộng	207.312.097.948	182.838.845.026

20. Doanh thu hoạt động tài chính

- Lãi tiền gửi	5.094.400.866	4.541.083.262
- Lãi bán khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn Ninh Chữ	5.596.250.000	-
Cộng	10.690.650.866	4.541.083.262

21. Chi phí tài chính

- Hoàn nhập dự phòng tổn thất cho khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn Ninh Chữ	(511.232.065)	(223.121.182)
- Chi phí bán khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn Ninh Chữ	160.454.546	-
Cộng	(350.777.519)	(223.121.182)

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÓ SÓ KIẾN THIẾT NINH THUẬN

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2019

22. Chi phí quản lý doanh nghiệp

- Chi phí nhân viên quản lý	11.427.148.767	10.475.539.309
- Chi phí vật liệu quản lý	119.261.843	100.282.295
- Chi phí đồ dùng văn phòng	174.699.088	149.473.655
- Chi phí khấu hao TSCĐ	704.503.523	707.873.384
- Thuế, phí và lệ phí	86.646.707	85.646.707
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	277.323.236	271.587.302
- Chi phí bằng tiền khác	9.603.294.747	6.053.271.047
Cộng	22.392.877.911	17.843.673.699

23. Thu nhập khác

- Doanh thu thanh lý vé số hủy và cùi vé	170.457.908	171.282.726
- Thu nhập thanh lý tài sản cố định	-	67.835.000
- Thu nhập từ bán công cụ dụng cụ	1.220.000	-
- Thu nhập khác	-	900.000
Cộng	171.677.908	240.017.726

24. Chi phí khác

- Chi phí liên quan thanh lý tài sản cố định	-	5.926.800
- Chi phí chậm nộp thuế	4.202.538	-
- Chi phí khác	-	747.549
Cộng	4.202.538	6.674.349

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT NINH THUẬN

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2019

25. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

	Năm nay	Năm trước
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	19.825.206.800	24.040.294.195
- Cộng (+) Chi phí không được trừ	-	-
- Tổng thu nhập chịu thuế	19.825.206.800	24.040.294.195
- Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
- Chi phí thuế TNDN hiện hành	3.965.041.360	4.808.058.839

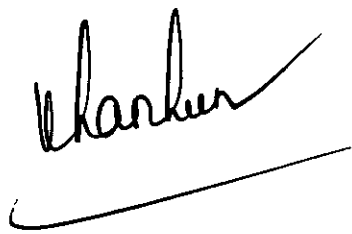
VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

Thông tin tài chính có liên quan đến Báo cáo tài chính năm 2019

Thông tư 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 8 năm 2019 của Bộ Tài chính Hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp. Thông tư có hiệu lực thi hành từ ngày 10 tháng 10 năm 2019 và áp dụng từ năm tài chính 2019.

Ninh Thuận, ngày 08 tháng 01 năm 2020

Kế toán trưởng



Trần Thị Thanh Hiếu

Giám đốc



Vũ Đức Kim